



quan điểm với nhau trong cuộc sống nên ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị D yêu cầu ly hôn với anh Giã.

Thời gian chung sống, chị D và anh G có 01 con chung tên Đặng Bình Đ, sinh ngày 10/01/2014. Khi ly hôn chị D yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung nhưng không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không có nên chị D không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Hồng D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đặng Thanh G. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh G có địa chỉ tại ấp B, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh G nhưng anh G không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị D và vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh G theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng chị D, ngày 15/6/2020 chị có yêu cầu xin vắng mặt đến khi kết thúc vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Đặng Thanh G tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 24/01/2013. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Tại đơn khởi kiện, chị D yêu cầu ly hôn với anh G. Xét thấy, yêu cầu của chị D là có cơ sở. Bởi vì, tại đơn khởi kiện chị D cho rằng thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh chị ly thân từ tháng 02/2017 đến nay mà không có thiện chí đoàn tụ gia đình là phù hợp theo xác nhận của địa phương. Mặt

khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh chị vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Nguyễn Hồng D và anh Đặng Thanh G được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Đặng Bình Đ, sinh ngày 10/01/2014 (giới tính nam). Xét thấy, việc chị D yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung là có căn cứ. Bởi vì, con chung hiện chị D nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu Đ. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho anh G biết yêu cầu của chị D về việc yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung nhưng anh G không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị D. Vì vậy cần tiếp tục giao con chung cho chị D nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị D không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện chị D xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận ngày 01/12/2019 của Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận tại thời điểm xác nhận không có ai yêu cầu về nợ liên quan đến vợ chồng anh chị, vì vậy Hội đồng không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng D phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Hồng D và anh Đặng Thanh G.

2. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng D và anh Đặng Thanh G được ly hôn.

3. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Bình Đ, sinh ngày 10/01/2014 (giới tính nam) cho chị Nguyễn Hồng D tiếp tục nuôi dạy. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh G không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng D phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 08 tháng 5 năm 2020 chị D có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011174 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bản án này là sơ thẩm, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Kiều Trang**